TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 7 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Bé S, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp Tân An Ninh B, xã Tạ An Khương N, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Tr, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh S trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Anh S và chị Tr chung sống năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tạ An Khương N. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Tr không quan tâm lo lắng cho gia đình, bỏ nhà về cha mẹ ruột chung sống. Gia đình có hoà giải hàn gắn nhưng không thành, đã ly thân hơn 1 năm nay. Anh S xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị Tr nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống anh S và chị Tr có 01 con chung tên Trần Bảo Tr,

sinh năm 2016, khi ly hôn anh S yêu cầu giao con cho chị Tr nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Anh S xác định anh và chị Tr không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với chị Bùi Thị Tr:* Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của anh S nhưng chị Tr không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Bé S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị Tr đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Anh S và chị Tr chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do giữa anh chị thường bất đồng quan điểm, đã ly thân được 1 năm. Từ nguyên nhân trên, anh S xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị Tr. Chị Tr không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh S.

Xét yêu cầu ly hôn của anh S, thấy rằng: Anh S yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị Tr đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị Tr không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh S, cho anh S ly hôn với chị Tr là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của anh S thấy rằng: Theo xác nhận của địa phương thì hiện nay cháu Trần Bảo Tr đang theo sống chị Tr nhưng chị Tr đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên không thực hiện được việc xem xét nguyện vọng của Bảo Tr. Anh S yêu cầu giao Bảo Tr cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng; chị Tr không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cần chấp nhận yêu cầu của anh S, giao Bảo Tr cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con anh S không yêu cầu, chị Tr không có ý kiến vè vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Anh S xác định không có, chị Tr không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh S phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Bé S.

- Về hôn nhân: Cho anh Trần Văn Bé S được ly hôn với chị Bùi Thị Tr.

- Về con chung: Giao Trần Bảo Tr, sinh ngày 02/02/2016 cho chị Bùi Thị Tr tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Bảo Tr đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Trần Văn Bé S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần Văn Bé S phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001333 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (anh S đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai